TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 543/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị D với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thúy D, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thúy D trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị quen biết, tìm hiểu, yêu thương, tiến đến tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do anh T uống rượu, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng. Trước đây chị đã gửi đơn ly hôn anh T, anh T hứa chăm lo làm ăn nên chị rút đơn, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 27/3/2012, hiện 02 cháu đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 8 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

1. Về hôn nhân: Thống nhất với vợ về quá trình đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, vợ cho rằng anh không chăm lo làm ăn là anh không đồng ý, anh đi làm đưa hết tiền cho vợ nhưng khi hỏi lại thì vợ nói cho người khác vay rồi bị giựt hết, nên buồn không đi làm nữa, khoảng 04 tháng nay vẫn có đưa cho vợ 02 lần mỗi lần 500.000 đồng. Vợ chồng ly thân khoảng 04 tháng (từ tháng 03 âm lịch đến nay). Trước đây anh chị sống bên vợ, nhưng hiện nay anh đã về nhà mẹ ruột anh sinh sống, có điện thoại năn nỉ vợ nhiều lần nhưng vợ không đồng ý. Nay vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 27/3/2012, hiện 02 cháu đang sống chung vợ. Anh không đồng ý ly hôn nên anh yêu cầu các con vợ chồng phải cùng nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị D trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân của D, T; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Quỳnh, cháu Thư; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản ghi lời khai của Quỳnh và Thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh T đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 273, ngày 22 tháng 11 năm 2006. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị D yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ thương con.

Xét quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ tháng ba âm lịch cho đến nay. Thời gian ly thân là thời gian để các bên tự cảm nhận lại tình cảm của nhau, nhưng anh chị vẫn không cảm nhận được tình cảm, không tự hàn gắn được quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không còn ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho chị D tự giải quyết. Qua đó, thể hiện anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 27/3/2012, hiện các cháu do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Từ khi chị D và anh T ly thân với nhau cho đến nay cháu Quỳnh và cháu Thư do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cùng chị D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu Quỳnh và cháu Thư có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Xét nguyện vọng của các cháu, yêu cầu của chị D, để đảm

bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Quỳnh, cháu Thư cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thúy D ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 273, quyển số 2, ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 27/3/2012.

- Giao con chung tên Nguyễn Như Quỳnh, sinh ngày 16/4/2008 và Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 27/3/2012 cho chị Nguyễn Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được

quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001323 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Huỳnh Văn Hùng** **Lê Thị Hồng Thi**